

Bản án số: 10 / 2020 / HNGĐ - ST  
Ngày : 28/9/2020  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Cương và ông Lê Thanh Thu.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/ 2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Ninh Cao Q - Sinh năm 1981.  
Địa chỉ: Thôn Nang A, xã Xuân T, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.  
Địa chỉ: Xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Ninh Cao Q còn vắng mặt chị Nguyễn Thị H (chị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là anh Ninh Cao Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu nhau khoảng gần 1 năm thì xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 19 tháng 9 năm 2002 tại UBND xã Xuân T, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Xuân C, huyện Kim Sơn). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị H nói chuyện không hợp ý nhau và cũng do kinh tế gia đình nên anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Do vậy anh và chị H đã sống ly thân kể từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh và chị H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng về đoàn tụ là không có, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

**Về con:** Anh và chị Nguyễn Thị H cho đến nay có hai người con chung, tên cháu là Ninh Thị Thanh T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 và cháu Ninh Thị Thúy N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2006. Hiện nay các cháu đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Ninh Thị Thanh T và Ninh Thị Thúy N cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị Nguyễn Thị H hàng tháng, mỗi cháu với mức là 1.500.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về con riêng: Anh và chị H không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản:** Anh Ninh Cao Q trình bày: Cho đến nay anh và chị H không có tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có, còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn. Do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Ninh Cao Q, tự do tìm hiểu nhau được 1 năm thì đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2002 tại UBND xã Xuân T, huyện Kim Sơn. Chị và anh Q kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau chị về chung sống cùng với gia đình anh Q tại xã Xuân T, huyện Kim Sơn, vợ chồng chung sống được gần 10 năm thì có ý định về xã Kim Hải, huyện Kim Sơn để làm ăn sinh sống, nhưng do điều kiện sinh hoạt đến năm 2012 chị và các con đã chuyển về xóm 10, xã Khánh T để sinh sống cho thuận tiện việc học hành của các cháu. Về đây được một thời gian ngắn, chị phát hiện anh Q có hành vi không chung thủy đối với chị, mặc dù chị có can thiệp để giải quyết nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2012, suốt quá trình sống ly thân anh Q không lên thăm nom mẹ con chị. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị vẫn còn khắc phục được, vợ chồng nên đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Do vậy chị không nhất trí ly hôn với anh Ninh Cao Q.

Về con: Chị và anh Ninh Cao Q cho đến nay có hai người con chung, tên cháu là Ninh Thị Thanh T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 và cháu Ninh Thị Thúy N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2006. Hiện nay các cháu đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không nhất trí ly hôn, nhưng nếu trong trường hợp phải ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Ninh Thị Thanh T và cháu Ninh Thị Thúy N cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ninh Cao Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị hàng tháng, mỗi cháu là 1.500.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị và anh Q không ai có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Q đến nay không có tài sản chung (riêng) và công nợ không có, còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn, nay chị nhất trí và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cho chị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành

đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, chị H vắng phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ninh Cao Q, xử cho ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con: Giao cháu Ninh Thị Thanh T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 và cháu Ninh Thị Thúy N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị H, được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Ninh Cao Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị H hàng tháng mỗi cháu với mức là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh Ninh Cao Q có quyền đi lại thăm nom con chung. Về án phí anh Ninh Cao Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và nộp 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vào ngày 22/9/2020 có mặt anh Ninh Cao Q còn chị Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Ninh Cao Q có mặt còn chị Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ninh Cao Q và chị Nguyễn Thị H có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 9 năm 2002 tại UBND xã Xuân T, huyện Kim Sơn, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 10 năm, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, vì điều kiện cuộc sống nên chị H, cùng các con đã chuyển về sinh sống tại xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, sau đó chị H phát hiện anh Q có biểu hiện không chung thủy nên chị luôn nghi ngờ anh Q, từ đó giữa chị và anh Q luôn xảy ra mâu thuẫn. Do vậy anh và chị H đã sống ly thân kể từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Căn cứ vào các tài liệu anh Q xuất trình, cũng như việc chị H thừa nhận về thời gian sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa anh Q và chị H trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2015. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh Q và chị H mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Ninh Cao Q xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3] Về con: Anh Ninh Cao Q và chị Nguyễn Thị H cho đến nay có hai người con chung là cháu Ninh Thị Thanh T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 và cháu Ninh Thị Thúy N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2006, các cháu đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu Tòa án giao cả hai cháu cho chị H được nuôi dưỡng và anh có anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị H hàng tháng, mỗi cháu với mức là 1.500.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trực tiếp gặp chị H để ghi lời khai của các cháu song chị H ngăn cản không cho các cháu làm việc với Tòa án. Tòa án tiến hành lập biên về sự việc trên, sau đó Tòa triệu tập các cháu và giao cho anh Q trực tiếp về giao cho các cháu và đưa các cháu đến Tòa án làm việc song các cháu vẫn không đến Tòa án để làm việc, do đó Tòa án không lấy lời khai của các cháu theo quy định được. Tại bản khai chị H có yêu cầu nếu phải ly hôn thì Tòa án giao hai cháu cho chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu là 1.500.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh Q về giao con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với yêu cầu của chị H nên cần chấp nhận giao hai cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu hàng tháng, mỗi cháu với mức là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 10 năm 2020 là phù hợp. Về con riêng, anh Q và chị H không ai có nên không yêu cầu, do vậy không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh Q và chị H đều xác định không có tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có, còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn. Do vậy anh Q và chị H không có yêu cầu về tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Ninh Cao Q là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **Vì các lẽ trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 và các Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ninh Cao Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ninh Cao Q được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con: Giao cháu Ninh Thị Thanh T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 và cháu Ninh Thị Thúy N, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Ninh Cao Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền

nuôi cháu Ninh Thị Thanh T và cháu Ninh Thị Thúy N cho chị Nguyễn Thị H, hàng tháng với mức mỗi cháu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Ninh Cao Q có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ninh Cao Q không thi hành hết khoản tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản: Anh Ninh Cao Q và chị Nguyễn Thị H đều xác định không có tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có, còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn. Nay anh Q và chị H không có yêu cầu về tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Ninh Cao Q phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình và phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002221 ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Xuân C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**